TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

***- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân**

Ông **Bành Trọng Bình**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Hồng Hưởng** – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019.

1. Nguyên đơn: Anh **Hà Văn D** – SN: 1972

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Hà Thị B** – SN: 1976

Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Hà Văn D trình bày:

Anh và chị Hà Thị B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19 tháng 4 năm 2001. Trong thời gian chung sống, anh chị hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 02 con chung là Hà Thị M – SN: 21/09/2001, Hà Văn S – SN: 14/09/2004 nhưng về sau vợ

chồng tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2013 chị Hà Thị B đã bỏ con lại cho anh nuôi và bỏ nhà đi từ đó cho tới nay không về, anh đã dùng nhiều biện pháp tìm kiếm chị B nhưng đều không biết chị B đang ở đâu. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Hà Thị B mất tích, ngày 14/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐDS-ST tuyên bố chị Hà Thị B mất tích. Nay anh thấy tình cảm giữa anh và chị Hà Thị B không còn nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị B.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị B có 02 con chung Hà Thị M – SN: 21/09/2001 và Hà Văn S – SN: 14/09/2004. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Hà Thị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Hà Thị B ngày 14/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐDS – ST tuyên bố chị Hà Thị B mất tích theo đơn yêu cầu của anh Hà Văn D. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã M, tại nhà chị Hà Thị B và tại Tòa án huyện Ea Súp nhưng chị B vẫn không có mặt tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn D, xử cho anh Hà Văn D được ly hôn với chị Hà Thị B, về con chung giao 02 con chung Hà Thị M và Hà Văn S cho anh Hà Văn D nuôi dưỡng, chị Hà Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Hà Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị B có nơi cư trú cuối cùng thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn chị Hà Thị B trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã M, nhà chị Hà Thị B và tại Tòa án huyện Ea Súp, tuy nhiên chị Hà Thị B vẫn không có mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy anh Hà Văn D và chị Hà Thị B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19 tháng 4 năm 2001 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Văn D và chị Hà Thị B là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2013 chị Hà Thị B đã bỏ con lại cho anh D nuôi và bỏ nhà đi từ đó cho tới nay không về. Xét tình cảm, hạnh phúc của anh chị không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn D, xử cho anh Hà Văn D được ly hôn với chị Hà Thị B.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của anh Hà Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy anh D làm nghề nông, thu nhập không ổn định, tuy nhiên từ năm 2013 tới nay việc chăm sóc, giáo dục con đều do một mình anh D nuôi dưỡng, các cháu được giáo dục, chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, đối với chị Hà Thị B qua việc xác minh từ chính quyền địa phương thì từ năm 2013 tới nay chị B không có mặt tại địa phương, ngày 14/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2019/QĐDS – ST tuyên bố chị Hà Thị B mất tích, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con chung cho chị B nuôi dưỡng mà cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Hà Văn D, giao các cháu Hà Thị M – SN: 21/09/2001 và Hà Văn S – SN: 14/09/2004 cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với bố là phù hợp. Về cấp dưỡng anh Hà Văn D không yêu cầu chị Hà Thị B cấp dưỡng nuôi con nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và công nợ: Anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Anh Hà Văn D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn D, xử cho anh Hà Văn D được ly hôn với chị Hà Thị B.

Về con chung: Giao cháu Hà Thị M – SN: 21/09/2001, Hà Văn S – SN: 14/09/2004 cho anh Hà Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Hà Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Hà Văn D không được quyền ngăn cản chị Hà Thị B đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Hà Văn D phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0012663 ngày 17/7/2019.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lưu Quốc Chinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.